

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03-02-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Bà Đặng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Trần Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 12 năm 2020, Bản tự khai ngày 08 tháng 01 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S có thời gian tìm hiểu khoảng 03 năm thì về chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyền số 01/07 ngày 18/9/2007. Sau kết hôn, hai vợ chồng

sinh sống tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, cuộc sống của hai vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Ông S thường xuyên ăn nhậu rồi về nhà gây mâu thuẫn và đánh bà T. Khi mâu thuẫn, bà T yêu cầu chính quyền xã đến hòa giải và nhờ hai bên gia đình nhiều lần đến khuyên ngăn nhưng ông S không thay đổi. Do không thể chung sống với nhau nên vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 06 tháng. Bà T nhận thấy hạnh phúc giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn S.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Gia B2, sinh ngày 06/8/2008 và cháu Trần Khởi M, sinh ngày 04/5/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Văn S có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tuy nhiên, theo Bản tự khai ngày 08/01/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Văn S có ý kiến trình bày :

Ông Trần Văn S thống nhất như trình bày của bà Trần Thị T về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn. Ông S có thỉnh thoảng ăn nhậu với bạn bè nhưng đến nay đã sửa đổi. Mặc dù hai vợ chồng đã ly thân khoảng 06 tháng nhưng ông S vẫn còn tình cảm với bà Trần Thị T nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Trần Gia B2, sinh ngày 06/8/2008 và cháu Trần Khởi M, sinh ngày 04/5/2014. Trường hợp Tòa án giải quyết cho hai ông bà ly hôn thì ông S thống nhất giao hai con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Trần Thị T và ông Trần Văn S có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc, nguyên nhân do thường xuyên mâu thuẫn, không quan tâm chăm sóc nhau khiến tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó việc nguyên

đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn và yêu cầu giải quyết về con chung là có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn S, ông S cư trú tại Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị T, bị đơn ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn và bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ theo Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1 (Nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 18/9/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà Trần Thị T xác định quá trình chung sống với ông Trần Văn S không hạnh phúc. Nguyên nhân là do ông S thường xuyên ăn nhậu và đánh bà T. Mặc dù vẫn còn tình cảm nhưng ông S không đưa ra được phương án hòa giải giữa hai vợ chồng. Biên bản xác minh ngày 07/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Bình thể hiện bà T và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm, ông S là người không có trách nhiệm với vợ con, thường xuyên ăn nhậu dẫn tới mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng. Chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thay đổi. Hiện nay, vợ chồng bà T, ông S đã ly thân được khoảng hơn 05 tháng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông S đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Trần Thị T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông S có 02 con chung là cháu Trần Gia B2, sinh ngày 06/8/2008 và cháu Trần Khởi M, sinh ngày 04/5/2014. Bà T và ông S đều cùng quan điểm về việc giao hai con chung cho bà T có quyền trực tiếp nuôi dưỡng và ông S không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T có yêu cầu nuôi con và ông S không có ý kiến phản đối về việc giao con chung nên cần giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Án phí dân sự: bà Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn S.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trần Gia B2, sinh ngày 06/8/2008 và cháu Trần Khởi M, sinh ngày 04/5/2014 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị T và ông Trần Văn S có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này. Trường hợp ông S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0054632 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Sơn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bò Quốc Khánh;
2. Ông Đoàn Văn Lước.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Vườn Vũ, xã Tân Mỹ, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 5, xã Thường Tân, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn với ông Trần Văn S.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Về con chung:

- Giao cháu Trương Quốc Vinh, sinh ngày 23/7/2019 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Trần Thị T và ông Trần Văn S có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở thực hiện quyền này. Trường hợp ông S lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông S theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Trần Thị T và ông Trần Văn S không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí về ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0031228 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Kết quả biểu quyết 3/3.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 29 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Bồ Quốc Khánh

Đoàn Văn Lước

Nguyễn Tuấn Sơn

Nơi nhận:

- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên,
tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Quyết